TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 -THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 92/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 96/2026/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Âu Thị T, sinh năm 1991,

ĐKHKTT: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh

Chỗ ở: Tòa 114, 115 KTX1 SEVT, phường V, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1979, có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Âu Thị T và anh Trần Văn D.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị T và anh Trần Văn D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh D có 01 con chung Trần Thiện N, sinh ngày 14/7/2017. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Anh Dũng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Thiện N cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi anh D yêu cầu.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Chị Âu Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả chị T 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000977 ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
-VKSND KV2-TN;
- Thi hành án DS tỉnh TN;
-Các đương sự;
-UBND xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Lan Anh